

Số: 112/TB - ĐHHV

Phú Thọ, ngày 23 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

Về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và quy đổi tương đương điểm xét tuyển, điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy năm 2025

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề trình độ đại học năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học, cao đẳng năm 2025;

Căn cứ Công văn số 2457/BGDĐT-GDĐH ngày 19/5/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tuyển sinh đại học năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 106/QĐ-ĐHHV ngày 15/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 629/QĐ-ĐHHV ngày 30/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2025; Thông báo số 103/TB-ĐHHV ngày 02/7/2025 Thông báo tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2025;

Căn cứ kết quả kì thi tốt nghiệp THPT năm 2025,

Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2025 Trường Đại học Hùng Vương thông báo:

1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2025 (điểm đủ điều kiện để nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo) như sau:

Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn, bài thi xét tuyển	Ngưỡng ĐBCL đầu vào
Giáo dục Tiểu học	7140202	1. Toán, Ngữ văn, Vật lí (C01) 2. Toán, Ngữ văn, GDKT&PL (X01) 3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) 4. Toán, Ngữ Văn, Lịch sử (C03)	21.0
Sư phạm Toán (Toán tin)	7140209	1. Toán, Vật lí, Hóa học (A00) 2. Toán, Vật lí, Tin học (X06) 3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) 4. Toán, Tiếng Anh, GDKT&PL (X25)	21.0

Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn, bài thi xét tuyển	Ngưỡng ĐBCL đầu vào
Sư phạm Ngữ Văn	7140217	1. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) 2. Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14) 3. Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL (X70) 4. Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (X74)	21.0
Sư phạm Tiếng Anh	7140231	1. Tiếng Anh, Ngữ văn, Toán (D01) 2. Tiếng Anh, Ngữ văn, Địa lí (D15) 3. Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử (D14) 4. Tiếng Anh, Ngữ văn, GDKT&PL (X78)	21.0
Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	1. Toán, Vật lí, Hóa học (A00) 2. Toán, Hóa học, Sinh học (B00) 3. Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01) 4. Toán, Sinh học, Tin học (X14)	20.0
Sư phạm Lịch sử - Địa lí	7140249	1. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00) 2. Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL (X70) 3. Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14) 4. Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL (X74)	20.0
Giáo dục Mầm non	7140201	1. Ngữ văn, Toán, NK GDMN (M00) 2. Ngữ văn, Địa lí, NK GDMN (M07) 3. Ngữ văn, GDKT&PL, NK GDMN (M09) 4. Ngữ văn, Lịch sử, NK GDMN (M05)	19.0
Giáo dục Thể chất	7140206	1. Toán, NK GDTC 1, NK GDTC 2 (T09) 2. Ngữ văn, NK GDTC 1, NK GDTC 2 (T10)	18.0
Sư phạm Âm nhạc	7140221	1. Ngữ văn, NK ÂN 1, NK ÂN 2 (N00) 2. Toán, NK ÂN 1, NK ÂN 2 (N01)	18.0
Ngôn ngữ Anh	7220201	1. Tiếng Anh, Ngữ văn, Toán (D01) 2. Tiếng Anh, Ngữ văn, Địa lí (D15) 3. Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử (D14) 4. Tiếng Anh, Ngữ văn, GDKT&PL (X78)	17.0
Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	1. Tiếng Anh, Ngữ văn, Toán (D01) 2. Tiếng Trung, Ngữ văn, Toán (D04) 3. Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử (D14) 4. Tiếng Anh, Ngữ văn, GDKT&PL (X78)	17.0
Kế toán	7340301	1. Toán, Tin học, GDKT&PL (X53) 2. Toán, Ngữ văn, GDKT&PL (X01) 3. Toán, Tiếng Anh, GDKT&PL (X25) 4. Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh (D01)	17.0
Quản trị kinh doanh	7340101		
Tài chính - Ngân hàng	7340201		
Kinh tế	7310101		
Công nghệ thông tin	7480201	1. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) 2. Toán, Tiếng Anh, Tin học (X26) 3. Toán, Ngữ Văn, Tin học (X02) 4. Toán, Tiếng Anh, GDKT&PL (X25)	17.0

Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn, bài thi xét tuyển	Ngưỡng ĐBCL đầu vào
Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	7510301	1. Toán, Vật lý, Tin học (X06) 2. Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)	17.0
Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	7510201	3. Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh (D01) 4. Toán, Tiếng Anh, GDKT&PL (X25)	
Thú y	7640101	1. Toán, Ngữ văn, Công nghệ NN (X04)	17.0
Chăn nuôi	7620105	2. Toán, Công nghệ NN, GDKT&PL (X55)	
Khoa học cây trồng	7620110	3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) 4. Toán, Sinh học, Tin học (X14)	
Điều dưỡng	7720301	1. Toán, Hóa học, Sinh học (B00) 2. Toán, Sinh học, Tin học (X14) 3. Toán, Ngữ văn, Sinh học (B03) 4. Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh (D01)	17.0
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	1. Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL (X70) 2. Ngữ văn, Địa lý, GDKT&PL (X74)	17.0
Du lịch	7810101	3. Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)	
Công tác xã hội	7760101	4. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00)	

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào trên áp dụng đối với các phương thức xét tuyển TS01, TS02, TS03, TS04, TS05 vào Trường Đại học Hùng Vương sau khi điểm xét tuyển được quy đổi tương đương sang thang điểm 30.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào phương thức TS02, TS03, TS04, TS05, TS06, TS07 phải đảm bảo tại quy định tại Thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 629/QĐ-ĐHHV ngày 30/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương.

2. Quy tắc quy đổi tương đương điểm xét tuyển, điểm trúng tuyển của các phương thức.

Điểm quy đổi tương đương giữa kết quả học tập lớp 12 bậc THPT (điểm học bạ) và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo thang điểm 10 được thực hiện theo quy tắc: Điểm học bạ tương ứng bằng 95% điểm thi tốt nghiệp THPT của môn học.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- HT, CT HĐT, các PHT;
- Lưu: VP, ĐT.

**TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

**HIỆU TRƯỞNG
Đỗ Khắc Thanh**